

Số/No : 328 /2026-CBTT

Tp HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, 07 August 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên CTQLQ/Name of Fund Management Company: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM/Dragon Capital VietFund Management JSC**
 - Tên Quỹ ETF niêm yết/ Fund name: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/DCVFMVN DIAMOND ETF**
 - Mã chứng khoán/Stock code: **FUEVFN**
 - Địa chỉ trụ sở chính/Address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, P.Sài Gòn, TP. HCM
Address: 15th Floor, Me Linh Point Tower, 2 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 - Điện thoại/Tel: 08-3825 1488 Fax: 08-3825 1477
 - Email: cskh@dragoncapital.com website: <http://dragoncapital.com.vn>
2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:
Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ bán niên 2026
Report on management operation of Fund Management Company for half year 2026

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 07/08/2026 tại đường dẫn <https://dragoncapital.com.vn>.
This information was disclosed on the Fund's/Company's website on 07/08/2026 at <https://dragoncapital.com.vn>.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby certify that the information provided is true and we take full responsibility to the law for the content of the disclosed information..

Tài liệu đính kèm/Attached documents

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ bán niên 2026

Report on management operation of Fund Management Company for half year 2026

ĐẠI DIỆN CTCP QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC

Người được ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information


LÊ HOÀNG ANH
Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Acting Director, Investment Service

TP. HCM, ngày 06 tháng 08 năm 2026

HCMC, 06 August 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
Report on management operation of Fund Management Company

Bán niên 2026/ Half year 2026

Kính gửi/To : - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước /The State Securities Commission of Vietnam (SSC)

- Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Thông tin về quỹ/ Information about the fund

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/ Name and type of Fund: **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Investment objectives of the fund:

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động ...

DCVFMVN DIAMOND ETF implements a passive investment strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, DCVFMVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek to obtain a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investment is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có)/ Operating period of the fund (if any):

Quỹ hoạt động từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

The Fund has been operating since The State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate and the Fund has an indefinite life.

d) Danh mục tham chiếu (nếu có)/ Benchmark portfolio (if any):

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong chỉ số VN Diamond tại ngày 30/06/2026 như sau/Securities ticker and weighting in VN DIAMOND as of 30/06/2026:



Số thứ tự/ No	Mã cổ phiếu/ Securities ticker	Tỷ trọng (%)/ Weighting
1	FPT	14.54
2	MWG	14.15
3	PNJ	10.31
4	TCB	9.27
5	GMD	7.95
6	ACB	7.94
7	MBB	7.21
8	VPB	6.28
9	HDB	5.51
10	REE	3.85
11	NLG	2.70
12	MSB	2.51
13	CTG	2.11
14	CTD	1.59
15	BMP	1.50
16	TPB	1.35
17	KDH	0.70
18	OCB	0.54

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies:*

- Theo quy định của Điều lệ Quỹ hiện tại, Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư.

According to the current Fund's Charter, DCVFMVN DIAMOND ETF shall not distribute its profits to minimize costs incurred for investors.

- Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

The operating profit of the Fund shall be accumulated to increase the net asset value of the Fund.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành / *The number of outstanding Fund units:*

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025	
<i>Number of outstanding Fund units as at 31/12/2025</i>	352,900,000.00 ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	
<i>Number of Fund units issued within the year</i>	33,600,000 ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	
<i>Number of Fund units redeemed within the year</i>	-64,000,000 ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2026	
<i>Number of outstanding Fund units as at 30/06/2026</i>	322,500,000.00 ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo / *Changes in the Fund's charter:* được đề cập trong Điều lệ được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) thông qua ngày 08/05/2026. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn : <https://dragoncapitalprod.blob.core.windows.net/cms1public/20260508%20-%20FUEVFNVD%20-%20Dieu%20le%20quy%20ngay%2008.05.2026.pdf>

Amendments to the Fund's Charter in the reporting period: as mentioned in the Fund Charter attached to the Resolution of the General Meeting of Investors for fiscal year 2025 of DCVFMVN DIAMOND ETF (previous name: VFMVN DIAMOND ETF) passed on 08 May 2026. Details have been published on the Fund's website at

<https://dragoncapitalprod.blob.core.windows.net/cms/public/20260508%20-%20FUEVFNVD%20-%20Dieu%20le%20quy%20ngay%2008.05.2026.pdf>.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo/ Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) thông qua ngày 08/05/2026 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025, kế hoạch hoạt động của quỹ năm 2026, báo cáo tài chính đã kiểm toán của quỹ năm 2025, phương án phân chia lợi nhuận năm 2025, ngân sách ban đại diện quỹ 2026, ủy quyền ban đại diện quỹ lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật... Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn : <https://dragoncapitalprod.blob.core.windows.net/cms/public/20260508%20-%20FUEVFNVD%20-%20NQ%20v%C3%A0%20BBH%20DH%20NDT%20thuong%20nien%20nam%20tai%20chinh%202025.pdf>

Contents of the resolution of the General Meeting of Investors passed within the reporting period: the Resolution of the General Meeting of Investors for fiscal year 2025 of DCVFMVN DIAMOND ETF (previous name: VFMVN DIAMOND ETF) passed on 08 May 2026 approved the following matters: the Fund's operating result in 2025, operation plan for the Fund in 2026, the Fund's audited financial statement for FY 2025; 2025 profit distribution plan, total budget for the Board of Representatives for 2026; delegation for the Board of Representatives to select audit firm for the Fund for 2026; amendments to the Fund charter in accordance with the law... Details have been published on the Fund's website at

<https://dragoncapitalprod.blob.core.windows.net/cms/public/20260508%20-%20FUEVFNVD%20-%20NQ%20v%C3%A0%20BBH%20DH%20NDT%20thuong%20nien%20nam%20tai%20chinh%202025.pdf>

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds.*

Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

The fund management company has complied with the provisions of Article 79 of Circular No. 98/2020/TT-BTC, which provides guidance on the operation and management of securities investment funds

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ Reporting on operations of the Fund

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất/ *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at 30/06 of the latest 3 years:*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (*không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán*);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/*The investment portfolio sorted by asset type:*

Cơ cấu tài sản quỹ <i>Fund Asset Allocation</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Danh mục chứng khoán/ <i>Securities</i>	98.87%	99.61%	98.50%
Tài sản khác/ <i>Other Assets</i>	1.13%	0.39%	1.50%
Cộng/ <i>Total</i>	100.00%	100.00%	100.00%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/*The investment portfolio sorted by sectors:*

Ngành/ <i>Sector</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Ngân Hàng/ <i>Banks</i>	42.3%	39.7%	38.0%
Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm/ <i>Software & Services</i>	14.4%	13.9%	19.0%
Bán Lẻ/ <i>Retail</i>	24.3%	23.8%	16.1%

Ngành/ Sector	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Bất Động Sản/ Real Estate	3.4%	7.6%	8.7%
Tập Đoàn Đa Ngành/ Conglomerate	3.8%	4.8%	5.9%
Hàng Hóa Công Nghiệp/ Capital Goods	1.6%	0.8%	0.0%
Vận Tải/ Transportation	7.7%	7.7%	11.2%
Vật Liệu/ Materials	1.5%	1.4%	0.3%
Tiền mặt & Khác/ Cash & Others	1.0%	0.3%	0.8%
Tổng/ Total	100.0%	100.0%	100.0%

Chỉ tiêu/ Indicators	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND). <i>Net asset value of the Fund (VND)</i>	11,620,254,441,401	11,409,369,089,681	13,359,691,718,963
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ). <i>Total fund units in circulation (fund unit)</i>	322,500,000.00	342,500,000.00	414,900,000.00
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND). <i>Net asset value per fund unit (VND/fund unit)</i>	36,031.79	33,312.02	32,199.78
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit)</i>	40,795.03	33,640.27	33,307.91
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit)</i>	34,665.61	26,020.37	25,952.34
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND). <i>Day-end closing price of a fund unit at the reporting date (VND/fund unit)</i>	36,260.00	32,990.00	32,200.00
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit)</i>	40,800.00	33,640.00	33,400.00
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit)</i>	35,050.00	25,880.00	26,030.00

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Tổng tăng trưởng (%) /1 đơn vị CCQ. <i>Total growth rate (%) per fund unit</i>	-6.36%	-0.98%	24.07%
Tăng trưởng vốn (%) /1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) <i>Capital growth rate (%) per fund unit (Change due to price fluctuation)</i>	-10.85%	-3.95%	3.36%
Tăng trưởng thu nhập (%) /1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) <i>Income growth rate (%) per fund unit (Based on realised profits)</i>	4.49%	2.97%	20.72%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) <i>Gross distribution per fund unit (VND)</i>	Không có	Không có	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND). <i>Net distribution per fund unit (VND)</i>	Không có	Không có	Không có
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution). <i>Ex-date of distribution</i>	Không có	Không có	Không có
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) <i>Operating expenses/Average NAV during the period (%)</i>	1.05%	1.04%	1.04%
Tốc độ vòng quay danh mục (%). <i>Turnover of investment portfolio (%)</i>	26.30%	27.24%	59.08%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau/ *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có

Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None

Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/ *Profit indicator of the fund* :

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định :

Average annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:

Tính tới ngày lập báo cáo <i>Up to reporting date</i>	Tổng lợi nhuận bình quân (VND) <i>Average annual Profit (VND)</i>
i) 1 năm/ 1 year	1,034,422,322,334
ii) 3 năm/ 3 years	2,145,784,239,084
iii) 5 năm/ 5 years	1,056,788,364,874

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

Data and figures are provided by an independent organization: the quotations are provided by three independent brokers approved by BOR annually

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

The report must include the recommendation that the previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau/ *The report on the management of assets of the fund management company shall include the following contents:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) /*Explanations about the replacement of the fund management company (if any): không có /none*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)/ *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted:*

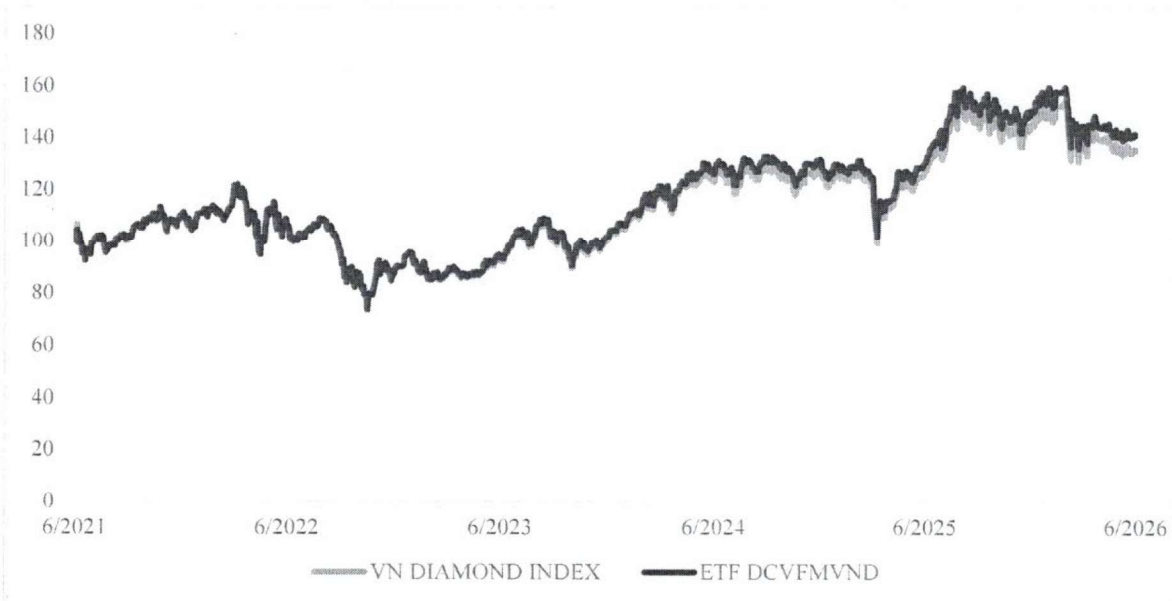
Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức khoảng 0,71%.

The objective of the fund is to replicate the performance of VN DIAMOND Index. During the reporting period, the fund achieved this objective with tracking error of 0.71% compared to benchmark index.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) / Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/ Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph) :



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such differences and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

DCVFMVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, DCVFMVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year:*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2026 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

The investment portfolio of the fund at 30/06/2026 remained largely unchanged compared to the previous year's portfolio, with equity weight accounting for over 95%, as the fund is an exchange-traded fund designed to replicate an index. The primary difference between the two periods is the sector weightings within the portfolio.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất /*Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period :*

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2026 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND là 36.031,79 đồng, tăng khoảng 8,2% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại ngày 30/06/2025, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu giảm tương ứng 6,6%.

DCVFMVN DIAMOND ETF net asset value per share as of 30/06/2026 was 36,031.79, increased 8.2% compared to net asset value per share as of 30/06/2025, whilst the benchmark index increased 6.6% over the same period.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản : cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.;*

Trong 6 tháng đầu năm 2026 thị trường chứng khoán Việt Nam có sự phân hoá khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 4,2% so với cuối năm 2025. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam giảm 1,7%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 3,9% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức giảm 9,0%.

In 6M2026, the Vietnamese stock market showed divergence, with the VN-Index rising by approximately 4.2% compared to the end of 2025. The VN30 Index, which represents Vietnam's largest and most liquid stocks, decreased by 1.7%, while the VNMid-cap Index declined by 3.9%, and the VNSmall-cap Index decreased 9.0%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division): None

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced: None

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any): None

l) Các thông tin khác (nếu có).

Other information (if any): None

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank :*

Ý kiến của Ngân hàng Giám sát về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đối với các nội dung sau:

The Custodian Bank's assessment of compliance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus by the Fund Management Company during the operation and management of the Fund is as follows:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có.

Explanation regarding any changes in the Custodian Bank (if applicable): None.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/ *Custody of the Fund's Assets:*

Danh mục lưu ký của Quỹ đều được lưu ký tại Ngân hàng giám sát. Trong quá trình giám sát hoạt động của Quỹ, Ngân hàng lưu ký luôn quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ; tách biệt tài sản của các quỹ, với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Mỗi quỹ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ.

The Fund's custody portfolio is fully held at the Custodian Bank. During the supervision process, the Custodian Bank has ensured the segregation of assets, including separation of each fund's assets from one another; separation of fund assets from the assets of the custodian bank, the custodian and supervisory bank, and other clients of the custodian bank. Each fund maintains a separate securities custody account, distinct from the custody accounts of individuals, organizations, and even the fund management company itself.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Compliance with investment restrictions and borrowing limits as per legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Trong kỳ, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Trong kỳ, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

During the period, the Fund has adhered to all investment limits set forth in the Fund's Charter, the Prospectus, and relevant legal documents. The Fund did not engage in any borrowing or lending agreements.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Determination of the Fund's Net Asset Value (NAV) in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

The valuation and assessment of the Fund's assets have been conducted in compliance with the Fund's Charter, the Prospectus, and applicable legal provisions.

- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Issuance and redemption of fund certificates in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus*

Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện:

During the period, the Fund executed the following transactions:

- Phát hành thêm chứng chỉ quỹ: phát hành thêm 33.600.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 336.000.000.000 đồng.

Additional issuance of fund certificates: 33,600,000 fund certificates were issued, with a total issuance value at par of VND 336,000,000,000.

- Mua lại chứng chỉ quỹ: mua lại 64.000.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 640.000.000.000 đồng.

Redemption of fund certificates: 64,000,000 fund certificates were redeemed, with a total redemption value at par of VND 640,000,000,000.

- f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/ *Profit distribution in alignment with the Fund's investment objectives:*

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

During the period, the Fund did not distribute any profits.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ Reporting on authorized activities

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

The fund management company must prepare a report on assessment of quality of services rendered by other entities (authorized parties) such as transfer agent services, fund management services, NAV valuation services, etc. with the following contents:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operation expense</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with Incomes</i>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-0.01%	0.10%	-0.01%

<i>Transfer Agent Fee</i>			
Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ <i>Fund Administrative Fee</i>	-0.16%	2.10%	-0.17%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

Impacts (if any) of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund: None

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company):

Stt No	Chỉ tiêu/ Items	Số tiền/Currency
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	66,000,000.00
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Total costs for performing authorized activities paid</i>	1,390,101,048.00

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors: Good

Cty CP Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam 



Lê Hoàng Anh

Quyền giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

MINH